TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH BÌNH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 22 – 6 – 2021
"Về việc ly hôn và tranh chấp về nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Dõng;

2. Bà Huỳnh Thị Yến.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Hồng Ngọc Tú – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa:*** Bà Dương Thị Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 65/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021, về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2021/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24/5/2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm: 1988; địa chỉ: đội 1, thôn P, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Vắng mặt, đã có đơn xin xét xử giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Anh Trương Hoài P, sinh năm: 1990; địa chỉ: thôn 5, xã N, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Lê Thị T và anh Trương Hoài P tự nguyện kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Bình Thuận vào năm 2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 9/2014 thì xảy ra mâu thuẫn. Thời gian đó vợ chồng anh P, chị T về nhà cha mẹ chị T tại tỉnh Quảng Ngãi ở để sinh con; anh P ghen tuông vô cớ và đánh đập chị T; sau đó anh P bỏ về nhà cha mẹ ruột tại xã N, huyện T sinh sống và vợ chồng ly thân cho đến nay; khoảng hơn 01 năm nay, vợ chồng không gặp nhau cũng không liên lạc với nhau. Chị T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã nghiêm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, chị T không muốn tiếp tục chung sống với anh P nên chị T cương quyết có yêu cầu giải quyết ly hôn.

- *Về con chung:* Chị T và anh P có 01 người con chung tên Trương Nữ Diệu L, sinh ngày 30/8/2014, sống với chị T từ khi vợ chồng ly thân đến nay. Chị T yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi dưỡng người con chung này cho đến khi thành niên và không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra chị T không có yêu cầu nào khác trong vụ án.

[2]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng trong vụ án cho bị đơn anh Trương Hoài P theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; tuy nhiên anh P không chấp hành, không đến Tòa án làm việc và vắng mặt tại phiên tòa hôm nay không rõ lý do. Vì vậy, Tòa án không thu thập được lời khai, ý kiến của anh P và không tiến hành hòa giải được.

[3]. Các tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án:

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp: 01 giấy khai sinh của con chung tên Trương Nữ Diệu L (bản sao) và 01 giấy chứng nhận kết hôn (bản chính).

Ngoài ra Tòa án đã tiến hành xác minh, lập biên bản xác minh ngày 14/04/2021 về việc cư trú của bị đơn anh Trương Hoài P và tình trạng hôn nhân của vợ chồng anh P, chị T.

[4]. Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T:

- *Ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng:* Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Lê Thị T đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn anh Trương Hoài P không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70 và 72 Bộ luật dân sự tố tụng dân sự.

- *Ý kiến đề nghị giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T: Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Trương Hoài P; giao cho chị T được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục người con tên là Trương Nữ Diệu L, sinh ngày 30/8/2014 cho đến khi thành niên; anh P không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị T nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở; về tài sản chung và nợ chung: Đề nghị không giải quyết, xét xử; về án phí: Buộc chị Lê Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chị Lê Thị T vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh Trương Hoài P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng anh P vẫn vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt những người này là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Trong vụ án chỉ có yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị T, yêu cầu giải quyết việc ly hôn và nuôi con, ngoài ra các đương sự không có yêu cầu nào khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự, nhận định quan hệ tranh chấp trong vụ án là "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" là đúng pháp luật.

Tranh chấp hôn nhân và gia đình quy định tại Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; vụ án không có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp; bị đơn có nơi cư trú tại xã N, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị T:

[3.1]. Về yêu cầu giải quyết ly hôn, hội đồng xét xử nhận định:

Nguyên đơn chị Lê Thị T khẳng định chị T và anh Trương Hoài P tự nguyện kết hôn, không có ai ép buộc. Chị T cũng đã cung cấp được Giấy chứng nhận kết hôn số 25/2014 của Uỷ ban nhân dân xã N, huyện T, tỉnh Bình Thuận thể hiện chị T, anh P đã đăng ký kết hôn vào ngày 28/3/2014 tại Uỷ ban nhân dân xã N. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa chị T, anh P là hợp pháp. Vì vậy, chị T có quyền yêu cầu giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị T khẳng định vợ chồng sống hạnh phúc chỉ được khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn và đã sống ly thân từ tháng 9/2014 cho đến nay, từ hơn 01 năm nay vợ chồng không còn liên lạc hay gặp nhau; hiện nay chị T không còn yêu thương anh P, nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã nghiêm trọng kéo dài, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, chị T không muốn tiếp tục cuộc sống vợ chồng với anh P nên cương quyết yêu cầu ly hôn. Tại biên bản xác minh đối với ông Trương Kinh Đ (là cha ruột của anh Trương Hoài P) đã lập ngày 14/4/2021 cũng thể hiện: Sau khi anh P, chị T chuyển về tỉnh Quảng Ngãi sống chung với cha mẹ ruột chị T, do cha của chị T quá khó tính, anh P không sống chung được nên đã trở về xã N sinh sống và vợ chồng ly thân từ đó đến nay đã được gần 07 năm; trong thời gian ly thân vợ chồng không có gặp nhau. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án triệu tập nhiều lần và đã thông báo việc hòa giải nhưng anh P không chấp hành, không đến Tòa án làm việc, tham gia hòa giải; điều này thể hiện anh P không mong muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, không có nguyện vọng được đoàn tụ. Từ những căn cứ nêu trên cho thấy vợ chồng anh P, chị T đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị T yêu cầu giải quyết được ly hôn với anh P là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận.

[3.2]. Về yêu cầu giải quyết việc nuôi con, Hội đồng xét xử nhận định:

Nguyên đơn chị Lê Thị T khẳng định chị T và anh P có 01 người con chung tên Trương Nữ Diệu L, sinh ngày 30/8/2014; chị T cũng đã cung cấp được Giấy khai sinh (bản sao) số 267, ngày 27/11/2020 của Ủy ban nhân dân xã N để chứng minh nên có đủ cơ sở xác định chị T, anh P có 01 người con chung tên là Trương Nữ Diệu L, sinh ngày 30/8/2014. Xét thấy cháu Linh đã sống với chị T từ khi cháu Linh mới sinh ra cho đến nay (từ khi vợ chồng ly thân - tháng 9/2014 đến nay), đã gần gũi, quen thuộc, ổn định với nề nếp sinh hoạt, môi trường sống, môi trường giáo dục và cuộc sống với chị T. Do đó, chị Lê Thị T yêu cầu giải quyết cho chị T được quyền nuôi dưỡng cháu Linh là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu Linh, phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Lê Thị T không yêu cầu anh Trương Hoài P cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này.

[4] Về án phí:

Cần buộc chị Lê Thị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 4 điều 147; các Điều 227, 228, 235, 273 và 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/ 2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lê Thị T:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn với anh Trương Hoài P.

Về con chung: Giao cho chị Lê Thị T có quyền, nghĩa vụ tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 01 người con chung tên Trương Nữ Diệu L, sinh ngày 30/8/2014 cho đến khi thành niên. Anh Trương Hoài P không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị Lê Thị T nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0004642 ngày 22/3/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bình Thuận. Sau khi khấu trừ, chị T đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa đều được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết (Đã giải thích quyền kháng cáo)

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ – án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Hồ Văn Khánh